

Số: /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét ý kiến của Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được tổng hợp tại Công văn số 4785/STNMT-QLMT ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 31 tháng 10 năm 2023 kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 Trạm Y tế tuyến xã, thuộc tỉnh Đồng Tháp đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 989/QLDA-KHTH ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 735/TTr-TNMT ngày 06 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Tầng 4-5, Khối các cơ quan đơn vị sự nghiệp tỉnh Đồng Tháp, số 10 đường Lê Thị Riêng, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 Trạm Y tế tuyến xã, thuộc tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 Trạm Y tế tuyến xã, thuộc tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

- Trạm Y tế xã Tân Hội, có địa chỉ tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
- Trạm Y tế xã Trường Xuân, có địa chỉ tại ấp 5A, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Trạm Y tế Phường 2, có địa chỉ tại Khóm 1, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Quyết định số 214/QĐ-UBND.HC ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 Trạm Y tế tuyến xã thuộc tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Quyết định thành lập: Quyết định số 180/QĐ-UBND-TL ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi, quy mô:

+ Trạm Y tế xã Tân Hội: 1.531,60 m².

+ Trạm Y tế xã Trường Xuân: 2.228,60m².

+ Trạm Y tế Phường 2: 345,40m².

- Quy trình khám chữa bệnh: Bệnh nhân → Bàn nhận bệnh → Bác sĩ khám → Cho toa thuốc (về) hoặc chuyển tuyến trên.

- Công suất:

STT	Tên trạm	Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	Số lượng bệnh nhân tiếp nhận (người/ngày)
1	Trạm Y tế xã Tân Hội	7	150 (ngoại trú)
2	Trạm Y tế xã Trường Xuân	9	150 (ngoại trú)
3	Trạm Y tế Phường 2	10	150 (ngoại trú)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường (theo Phụ lục 1 đính kèm Giấy phép này).

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (theo Phụ lục 2 đính kèm Giấy phép này).

2.3. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường (theo Phụ lục 3 đính kèm Giấy phép này).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đồng Tháp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Ủy ban nhân dân: thành phố Cao Lãnh, thành phố Hồng Ngự, huyện Tháp Mười và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Y tế; Xây dựng; Giám đốc Công an Tỉnh; các Chủ tịch Ủy ban nhân dân: thành phố Cao Lãnh, thành phố Hồng Ngự, huyện Tháp Mười và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/ĐTQH.lgv(13 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Trạm Y tế xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt cán bộ công nhân viên, người bệnh khám ngoại trú và nước thải phòng xét nghiệm, rửa dụng cụ,... của Trạm Y tế xã Tân Hội với lưu lượng 2,808 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 3,0 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 03 m³/ngày đêm, dẫn xả vào nguồn tiếp nhận sông Sở Thượng.

1.2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 1198177; Y = 537171.

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 03 m³/ngày đêm ~ 0,125 m³/giờ.

1.2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

1.2.3.2. Chế độ xả nước thải: Theo mẻ (08 giờ/lần xả thải).

1.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Y tế, cột A với hệ số K = 1,2 (riêng các thông số pH, tổng Coliforms, Saimonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước thải y tế sử dụng hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/	Không thuộc

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36	lần	đối tượng áp dụng
3	COD	mg/L	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2		
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12		
10	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	3.000		
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH		
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/100ml	KPH		

2. Trạm Y tế xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười

2.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt cán bộ công nhân viên, người bệnh khám ngoại trú và nước thải phòng xét nghiệm, rửa dụng cụ,... của Trạm Y tế xã Trường Xuân với lưu lượng 2,856 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 3,0 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 03 m³/ngày đêm sẽ được xả vào công trình thoát nước chung trên đường Võ Văn Kiệt.

2.2.2 Vị trí xả nước thải

- Trạm Y tế xã Trường Xuân: Đường Võ Văn Kiệt, ấp 5A, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 1177662; Y = 585923.

2.2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 03 m³/ngày đêm ~ 0,125 m³/giờ.

2.2.3.1 *Phương thức xả nước thải*: Tự chảy.

2.2.3.2 *Chế độ xả nước thải*: Theo mẻ (08 giờ/lần xả thải).

2.2.3.3 *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải*:

Nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Y tế, cột A với hệ số K = 1,2 (riêng các thông số pH, tổng *Coliforms*, *Salmonella*, *Shigella* và *Vibrio cholera* trong nước thải y tế sử dụng hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36		
3	COD	mg/L	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2		
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12		
10	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	3.000		
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH		

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH		

3. Trạm Y tế Phường 2, thành phố Cao Lãnh

3.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt cán bộ công nhân viên, người bệnh khám ngoại trú và nước thải phòng xét nghiệm, rửa dụng cụ,... của Trạm Y tế Phường 2 với lưu lượng 2,856 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa của dự án chi tiết như sau: 3,0 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

3.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

3.2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 03 m³/ngày đêm sẽ được xả vào công trình thoát nước chung trên đường Phan Chu Trinh.

3.2.2 Vị trí xả nước thải:

- Trạm Y tế Phường 2: Đường Phan Chu Trinh, Khóm 1, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 1156053; Y = 569251.

3.2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 03 m³/ngày đêm ~ 0,125 m³/giờ.

3.2.3.1 Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

3.2.3.2 Chế độ xả nước thải: Theo mẻ (08 giờ/lần xả thải).

3.2.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Y tế, cột A với hệ số K = 1,2 (riêng các thông số pH, tổng *Coliforms*, *Saimonella*, *Shigella* và *Vibrio cholera* trong nước thải y tế sử dụng hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36		
3	COD	mg/L	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2		
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12		
10	<i>Coliforms</i>	MPN/ 100mL	3.000		
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Trạm Y tế xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các bồn tiểu, xí bệt, lavabo, nước thải tắm rửa của bệnh nhân, thân nhân, nhân viên y tế ở các nhà vệ sinh tại các sảnh, phòng của

Trạm Y tế được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn; Trạm Y tế được trang bị 01 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 9,6 m³/bể, sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải của trạm.

- Nước thải y tế từ phòng rửa tiệt trùng, phòng xét nghiệm được thu gom đi vào hệ thống xử lý nước thải của trạm.

- Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống uPVC Ø114 mm	m	29,5
2	Ống uPVC Ø90mm	m	42
3	Ống uPVC Ø60mm	m	18
4	Ống uPVC Ø34mm	m	15
Tổng cộng		m	104,5

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 03 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ AAO.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ và nước thải y tế → Hố ga đầu vào → Ngăn điều hòa → Pha 1: Anerobic (Kỵ khí) → Pha 2: Anoxic + Oxic (Thiếu khí + Hiếu khí) → Pha 3: Lắng → Ngăn khử trùng (chlorine dạng viên nén) → Hố ga đầu ra → Nguồn tiếp nhận.

- Thê tích các bể xử lý:

TT	Tên bể	Kích thước	Vật liệu	Số lượng
1	Hố ga đầu vào, đầu ra	0,6m x 0,7m	Gạch	02 cái
2	Bể móng đặt thiết bị	2,4m x 2,4m x 0,2m	Bê tông cốt thép	01 bể

- Thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
1	Thiết bị xử lý	Hệ thống xử lý tích hợp - Xuất xứ: G7 - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%	01 bộ
1.1	Bồn xử lý	- Vật liệu bằng nhựa PP, dày 6 – 8 mm. - Công nghệ đúc khuôn. - Kích thước: D x R x C = (2.280 x 1.755 x 1.958)mm ± 10 mm. - Dung tích: Q ≥ 3.500 lít.	-

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
		- Độ bền: ≥ 10 năm.	
1.2	Máy thổi khí	- Lưu lượng: ≥ 60 lít/phút. - Cột áp: $\geq 1,5$ m. - Công suất: ≤ 39 W. - Điện áp: 1 pha/220V/50Hz.	-
1.3	Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý	- Vỏ tủ điện bằng nhựa EPP. - Bộ điều khiển đã lập trình cơ chế hoạt động, có màn hình hiển thị và nút hiệu chỉnh. - Đường ống công nghệ bố trí bên trong thiết bị. - Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý.	-
2	Giá thể vi sinh	- Xuất xứ: EU. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - Vật liệu bằng nhựa polyethylene. - Kích thước: $\leq 0,55$ m x $\geq 0,54$ m x $\geq 0,54$ m. - Dạng: ống lưới. - Diện tích tiếp xúc: $\geq 195 \text{ m}^2/\text{m}^3 \approx 2$ mm. - Trọng lượng: $\geq 44 \text{ kg/m}^3$. - Đường kính ống (trong): $D_t \geq 60$ mm. - Đường kính ống (ngoài): $D_n \leq 67,5$ mm.	01 bộ
3	Song chắn rác SUS304	- Xuất xứ: Việt Nam. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - $Q \geq 1 \text{ m}^3/\text{h}$. - Kích thước: $\geq 0,5$ x $\geq 0,42$ m. - Khe hở: ≤ 5 mm.	01 cái

- Điện năng và hóa chất của hệ thống xử lý:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Điện năng	kW/ngày	0,39
2	Hóa chất (Viên Clorine TCCA)	kg/năm	4,4

1.1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật.
- Công nhân vận hành trạm xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.
- Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải cho trạm xử lý nước thải.
- Bố trí các bơm dự phòng và máy thổi khí dự phòng để sử dụng trong trường hợp gặp sự cố bị hư bơm hoặc máy thổi khí.
- Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được lưu trữ trong bể điều hòa khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý.
- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường (vận hành thử nghiệm trong 01 tháng).

1.2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 03 m³/ngày đêm.

Hạng mục	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số
Hệ thống xử lý nước thải của Trạm Y tế xã Tân Hội	Nước thải	Tại hố ga nước thải đầu vào	pH, BOD ₅ (20°C), COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Tổng dầu mỡ động thực vật, Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae
		Tại hố ga nước thải đầu ra	

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12
10	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	3.000
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/100ml	KPH

1.2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

1.3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án để xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A (đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này), thoát ra nguồn tiếp nhận (sông Sở Thượng).

1.3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành và lưu giữ; báo cáo theo quy định.

1.3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

2. Trạm Y tế xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các bồn tiểu, xí bệt, lavabo, nước thải tắm rửa của bệnh nhân, thân nhân, nhân viên y tế ở các nhà vệ sinh tại các sảnh, phòng của Trạm Y tế được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn; Trạm Y tế được trang bị 01 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 9,6 m³/bể, sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tại trạm Y tế.

- Nước thải y tế từ phòng rửa tiệt trùng, phòng xét nghiệm được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tại trạm Y tế.

- Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống uPVC Ø114mm	m	103
2	Ống uPVC Ø90mm	m	25
3	Ống uPVC Ø34mm	m	14
Tổng cộng		m	142

2.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 03 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ AAO.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ và nước thải y tế → Hồ ga đầu vào → Ngăn điều hòa → Pha 1: Anerobic (Kỵ khí) → Pha 2: Anoxic + Oxic (Thiếu khí + Hiếu khí) → Pha 3: Lắng → Ngăn khử trùng (chlorine dạng viên nén) → Hồ ga đầu ra → công trình thoát nước trung → Nguồn tiếp nhận.

- Thả tích các bể xử lý:

TT	Tên bể	Kích thước	Vật liệu	Số lượng
1	Hồ ga đầu vào, đầu ra	0,6m x 0,7m	Gạch	02 cái
2	Bệ móng đặt thiết bị	2,4m x 2,4m x 0,2m	Bê tông cốt thép	01 bộ

- Thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
1	Thiết bị xử lý	Hệ thống xử lý tích hợp - Xuất xứ: G7 - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%	01 bộ
1.1	Bồn xử lý	- Vật liệu bằng nhựa PP, dày 6 – 8 mm. - Công nghệ đúc khuôn. - Kích thước: D x R x C = (2.280 x 1.755 x 1.958)mm ± 10 mm. - Dung tích: Q ≥ 3.500 lít. - Độ bền: ≥ 10 năm.	-
1.2	Máy thổi khí	- Lưu lượng: ≥ 60 lít/phút. - Cột áp: ≥ 1,5m. - Công suất: ≤ 39W. - Điện áp: 1 pha/220V/50Hz.	-
1.3	Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý	- Vỏ tủ điện bằng nhựa EPP. - Bộ điều khiển đã lập trình cơ chế hoạt động, có màn hình hiển thị và nút hiệu chỉnh. - Đường ống công nghệ bố trí bên trong	-

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
		thiết bị. - Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý.	
2	Giá thể vi sinh	- Xuất xứ: EU. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - Vật liệu bằng nhựa polyethylene. - Kích thước: $\leq 0,55\text{m} \times \geq 0,54\text{m} \times \geq 0,54\text{m}$. - Dạng: ống lưới. - Diện tích tiếp xúc: $\geq 195 \text{ m}^2/\text{m}^3 \approx 2\text{mm}$. - Trọng lượng: $\geq 44 \text{ kg}/\text{m}^3$. - Đường kính ống (trong): $D_t \geq 60\text{mm}$. - Đường kính ống (ngoài): $D_n \leq 67,5 \text{ mm}$.	01 bộ
3	Song chắn rác SUS304	- Xuất xứ: Việt Nam. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - $Q \geq 1 \text{ m}^3/\text{h}$. - Kích thước: $\geq 0,5 \times \geq 0,42\text{m}$. - Khe hở: $\leq 5\text{mm}$.	01 cái

- Điện năng và hóa chất của hệ thống xử lý:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Điện năng	kW/ngày	0,39
2	Hóa chất (Viên Clorine TCCA)	kg/năm	4,4

2.1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật.
- Công nhân vận hành trạm xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.
- Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải cho trạm xử lý nước thải.
- Bố trí các bơm dự phòng và máy thổi khí dự phòng để sử dụng trong trường hợp gặp sự cố bị hư bơm hoặc máy thổi khí.
- Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được lưu trữ trong bể điều hòa khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý.

- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường (vận hành thử nghiệm trong 01 tháng).

2.2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 03 m³/ngày đêm.

Hạng mục	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số
Hệ thống xử lý nước thải của Trạm Y tế xã Trường Xuân	Nước thải	Tại hố ga nước thải đầu vào	pH, BOD ₅ (20°C), COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Tổng dầu mỡ động thực vật, <i>Coliforms</i> , <i>Salmonella</i> , <i>Shigella</i> , <i>Vibrio cholerae</i>
		Tại hố ga nước thải đầu ra	

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12
10	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	3.000
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/ 100ml	KPH

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án để xử lý

đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A (đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này) xả công trình thoát nước chung, sau đó ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành và lưu giữ; báo cáo theo quy định.

2.3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3. Trạm Y tế Phường 2, thành phố Cao Lãnh

3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

3.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các bồn tiểu, xí bệt, lavabo, nước thải tắm rửa của bệnh nhân, thân nhân, nhân viên y tế ở các nhà vệ sinh tại các sảnh, phòng của Trạm Y tế được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, Trạm y tế được trang bị 01 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 9,6 m³/bể, sau đó được thu gom đi vào hệ thống xử lý nước thải tại trạm Y tế.

- Nước thải y tế từ phòng rửa tiệt trùng, phòng xét nghiệm được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tại trạm Y tế.

- Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom nước thải:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống uPVC Ø90	m	67
2	Ống uPVC Ø34	m	12
Tổng		m	79

3.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 03 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ AAO.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ và nước thải y tế → Hồ ga đầu vào → Ngăn điều hòa → Pha 1: Anerobic (Kỵ khí) → Pha 2: Anoxic + Oxic (Thiếu khí + Hiếu khí) → Pha 3: Lắng → Ngăn khử trùng (chlorine dạng viên nén) → Hồ ga đầu ra → công trình thoát nước trung → Nguồn tiếp nhận.

- Thể tích các bể xử lý:

TT	Tên bể	Kích thước	Vật liệu	Số lượng
1	Hồ ga đầu vào, đầu ra	0,6m x 0,7m	Gạch	02 cái

TT	Tên bể	Kích thước	Vật liệu	Số lượng
2	Bể móng đặt thiết bị	2,4m x 2,4m x 0,2m	Bê tông cốt thép	01 bể

- Thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
1	Thiết bị xử lý	Hệ thống xử lý tích hợp - Xuất xứ: G7 - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%	01 bộ
1.1	Bồn xử lý	- Vật liệu bằng nhựa PP, dày 6 – 8 mm. - Công nghệ đúc khuôn. - Kích thước: D x R x C = (2.280 x 1.755 x 1.958)mm ± 10 mm. - Dung tích: Q ≥ 3.500 lít. - Độ bền: ≥ 10 năm.	-
1.2	Máy thổi khí	- Lưu lượng: ≥ 60 lít/phút. - Cột áp: ≥ 1,5m. - Công suất: ≤ 39W. - Điện áp: 1 pha/220V/50Hz.	-
1.3	Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý	- Vỏ tủ điện bằng nhựa EPP. - Bộ điều khiển đã lập trình cơ chế hoạt động, có màn hình hiển thị và nút hiệu chỉnh. - Đường ống công nghệ bố trí bên trong thiết bị. - Tủ điện điều khiển quy trình công nghệ xử lý.	-
2	Giá thể vi sinh	- Xuất xứ: EU. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - Vật liệu bằng nhựa polyethylene. - Kích thước: ≤ 0,55m x ≥ 0,54m x ≥ 0,54m. - Dạng: ống lưới. - Diện tích tiếp xúc: ≥ 195 m ² /m ³ ≈ 2mm. - Trọng lượng: ≥ 44 kg/m ³ . - Đường kính ống (trong): Dt ≥ 60mm. - Đường kính ống (ngoài): Dn ≤ 67,5 mm.	01 bộ
3	Song chắn rác SUS304	- Xuất xứ: Việt Nam. - Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%. - Q ≥ 1 m ³ /h.	01 cái

TT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
		- Kích thước: $\geq 0,5 \times \geq 0,42\text{m}$. - Khe hở: $\leq 5\text{mm}$.	

- Điện năng và hóa chất của hệ thống xử lý:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Điện năng	kW/ngày	0,39
2	Hóa chất (Viên Clorine TCCA)	kg/năm	4,4

3.1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật.
- Công nhân vận hành trạm xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.
- Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải cho trạm xử lý nước thải.
- Bố trí các bơm dự phòng và máy thổi khí dự phòng để sử dụng trong trường hợp gặp sự cố bị hư bơm hoặc máy thổi khí.
- Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được lưu trữ trong bể điều hòa khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý.
- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

3.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường (vận hành thử nghiệm trong 01 tháng).

3.2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 03 m³/ngày đêm.

Hạng mục	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số
Hệ thống xử lý nước thải của Trạm Y tế Phường 2	Nước thải	Tại hố ga nước thải đầu vào	pH, BOD ₅ (20°C), COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Tổng dầu mỡ động thực vật, Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae
		Tại hố ga nước thải đầu ra	

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12
10	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	3.000
11	<i>Salmonella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH
12	<i>Shigella</i>	vi khuẩn/100ml	KPH
13	<i>Vibrio cholerae</i>	vi khuẩn/100ml	KPH

3.2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án để xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A (đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này) xả công trình thoát nước chung, sau đó ra nguồn tiếp nhận.

3.3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành và lưu giữ; báo cáo theo quy định.

3.3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Trạm Y tế xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự

1.1. *Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh*

1.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

1.1.1.1 *Chất thải nguy hại lây nhiễm*

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm phát sinh tối đa: 1,5 kg/ngày.

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm dự kiến tiếp nhận từ cơ sở y tế tư nhân: Tiếp nhận chất thải khoảng 0,9 kg/ngày.

1.1.1.2 *Chất thải nguy hại không lây nhiễm*: Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tối đa: 06 kg/ngày.

1.1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng tương đối ít (0,13 kg/ngày). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định với tần suất 02 tháng/lần hoặc khi đủ số lượng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 78,5 kg/ngày.

1.2. *Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

1.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

1.2.1.1 *Thiết bị lưu chứa*

- Đối với chất thải nguy hại lây nhiễm: Bố trí thùng màu vàng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Trung tâm Y tế thành phố Hồng Ngự sẽ tiếp nhận chất thải, sẽ đến thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm với tần suất 02 lần/tuần.

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Bố trí thùng màu đen, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu đen dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Khi đủ số lượng, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom và xử lý nguồn chất thải nguy hại không lây nhiễm đúng quy định.

1.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Do lượng chất thải nguy hại (lây nhiễm và không lây nhiễm) phát sinh tại Trạm Y tế tương đối ít, tại Trạm không xây dựng nhà kho lưu chứa chất thải mà sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước D x R x C = 1.270 mm x 770 mm x 1.230 mm), có nắp đậy, có bánh xe dễ dàng di chuyển để lưu chứa.

1.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

1.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu xanh, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu xanh dung tích 120 lít và tập kết tại khu vực quy định để được đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu trắng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Khi đủ số lượng, lượng chất thải này sẽ được các cơ sở thu mua phế liệu tại khu vực đến thu gom và xử lý.

1.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Tập kết tại khu vực gần cổng, thuận tiện để thu gom xử lý.

- Chất thải có khả năng tái chế: Sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước D x R x C = 1.270 mm x 770 mm x 1.230 mm), có nắp đậy, có bánh xe dễ dàng di chuyển để lưu chứa.

2. Trạm Y tế xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười

2.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

2.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

2.1.1.1 Chất thải nguy hại lây nhiễm

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm phát sinh tối đa: 6,0 kg/ngày.

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm dự kiến tiếp nhận từ cơ sở y tế tư nhân: Tiếp nhận chất thải khoảng 0,9 kg/ngày.

2.1.1.2 Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tối đa: 7,5 kg/ngày.

2.1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng tương đối ít (0,13 kg/ngày). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định với tần suất 02 tháng/lần hoặc khi đủ số lượng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 79,5 kg/ngày.

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với chất thải nguy hại lây nhiễm: Bố trí thùng màu vàng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Trung tâm Y tế huyện Tháp Mười sẽ tiếp nhận chất thải, sẽ đến thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm với tần suất 02 lần/tuần.

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Bố trí thùng màu đen, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu đen dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Khi đủ số lượng, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom và xử lý nguồn chất thải nguy hại không lây nhiễm đúng quy định.

2.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Do lượng chất thải nguy hại (lây nhiễm và không lây nhiễm) phát sinh tại Trạm Y tế tương đối ít, tại Trạm Y tế không xây dựng nhà kho lưu chứa chất thải mà sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước $D \times R \times C = 1.270 \text{ mm} \times 770 \text{ mm} \times 1.230 \text{ mm}$), có nắp đậy, có bánh xe để dàng di chuyển để lưu chứa.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu xanh, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu xanh dung tích 120 lít và tập kết tại khu vực quy định để được đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu trắng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Khi đủ số lượng, lượng chất thải này sẽ được các cơ sở thu mua phế liệu tại khu vực đến thu gom và xử lý.

2.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Tập kết tại khu vực gần cổng, thuận tiện để thu gom xử lý.

- Chất thải có khả năng tái chế: Sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước $D \times R \times C = 1.270 \text{ mm} \times 770 \text{ mm} \times 1.230 \text{ mm}$), có nắp đậy, có bánh xe để dàng di chuyển để lưu chứa.

3. Trạm Y tế Phường 2, thành phố Cao Lãnh

3.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

3.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

3.1.1.1 Chất thải nguy hại lây nhiễm

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm phát sinh tối đa: 1,8 kg/ngày.

- Khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm dự kiến tiếp nhận từ cơ sở y tế tư nhân: Tiếp nhận chất thải khoảng 0,9 kg/ngày.

3.1.1.2 Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tối đa: 06 kg/ngày.

3.1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng tương đối ít (0,13 kg/ngày). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định với tần suất 02 tháng/lần hoặc khi đủ số lượng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 159 kg/ngày.

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

3.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với chất thải nguy hại lây nhiễm: Bố trí thùng màu vàng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh sẽ tiếp nhận chất thải, sẽ đến thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm với tần suất 02 lần/tuần.

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Bố trí thùng màu đen, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu đen dung tích 60 lít, có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại không lây nhiễm, được đặt trong thùng chứa dung tích 660 lít màu vàng, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa. Khi đủ số lượng, đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom và xử lý nguồn chất thải nguy hại không lây nhiễm đúng quy định.

3.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Do lượng chất thải nguy hại (lây nhiễm và không lây nhiễm) phát sinh tại Trạm Y tế tương đối ít, Trạm Y tế không xây dựng nhà kho lưu chứa chất thải mà chỉ sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước D_xR_xC = 1.270 mm x 770 mm x 1.230 mm), có nắp đậy, có bánh xe để dàng di chuyển để lưu chứa.

3.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

1.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu xanh, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Cuối ngày, sẽ chuyển vào thùng chứa chất thải màu xanh dung tích 120 lít và tập kết tại khu vực quy định để được đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải có khả năng tái chế: Bố trí thùng màu trắng, có nắp đậy, dung tích 15 lít tại phòng có khả năng phát sinh để thu gom. Khi đủ số lượng, lượng chất thải này sẽ được các cơ sở thu mua phế liệu tại khu vực đến thu gom và xử lý.

3.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải không có khả năng tái chế: Tập kết tại khu vực gần công, thuận tiện để thu gom xử lý.

- Chất thải có khả năng tái chế: Sử dụng thùng chứa chất thải màu vàng dung tích 660 lít (kích thước D_xR_xC = 1.270 mm x 770 mm x 1.230 mm), có nắp đậy, có bánh xe dễ dàng di chuyển để lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Trạm Y tế xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2. Trạm Y tế xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

3. Trạm Y tế Phường 2, thành phố Cao Lãnh

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT-UBND ngày _____ tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trạm Y tế xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự

1.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2. Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

1.3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về y tế, đất đai, tài nguyên nước, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trạm Y tế xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười

2.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

2.3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về y tế, đất đai, tài nguyên nước, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2.4. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Trạm Y tế Phường 2, thành phố Cao Lãnh

3.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về y tế, đất đai, tài nguyên nước, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.4. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 2, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.